

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2017/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 18 tháng 10 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh Phú Thọ về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Văn bản số 166/HĐND-TT ngày 06/10/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 25/8/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 các điểm mở sau:

1. Điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc của mỏ đá xóm Quế, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ:

2. Điều chỉnh một phần ra khỏi quy hoạch Khu vực mỏ cát lòng sông Đà thuộc xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy:

3. Bổ sung một phần diện tích Khu vực mỏ đá Núi Giường, khu Quang Tiến, xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập

4. Bổ sung Khu vực mỏ cát, sét lòng sông Hồng, thuộc xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao

5. Bổ sung Khu vực mỏ cát lòng sông Hồng, thuộc xã Lâm Lợi và xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa:

Diện tích và tọa độ các khu vực nêu trên được thể hiện tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này bổ sung cho Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 25/8/2014; Các nội dung khác thực hiện theo nội dung tại Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 25/08/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2017.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Công Thủy**

**PHỤ LỤC**

**Tọa độ các khu vực điểm mỏ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

(Kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

**1. Điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc của mỏ đá xóm Quế, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ:**

Tên điểm mỏ	Hệ tọa độ VN2000, KTT 104 <sup>0</sup> 45', múi chiều 3 <sup>0</sup>		Diện tích
	X(m)	Y(m)	
Tọa độ của Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường xóm Quế, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn	2355867.33	512386.76	6,44ha
	2356052.68	512633.06	
	2355997.91	512661.74	
	2355967.41	512656.88	
	2355802.91	512726.17	
	2355781.55	512753.47	
	2355771.50	512750.54	
	2355733.03	512776.30	
	2355724.67	512789.38	
	2355690.03	512748.66	
	2355702.69	512686.01	
	2355782.62	512527.34	
	2355867.33	512386.76	

**2. Điều chỉnh một phần ra khỏi quy hoạch Khu vực mỏ cát lòng sông Đà thuộc xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy:**

Phần diện tích đưa ra khỏi quy hoạch của Mỏ cát lòng sông Đà thuộc xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy đưa ra khỏi quy hoạch	Hệ tọa độ VN2000, KTT 104 <sup>0</sup> 45', múi chiều 3 <sup>0</sup>		Diện tích
	X(m)	Y(m)	
Phần diện tích đưa ra khỏi quy hoạch của Mỏ cát lòng sông Đà thuộc xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy đưa ra khỏi quy hoạch	2345855.4187	559819.9836	61,63ha
	2345765.5700	559731.9100	
	2345743.4112	559934.2487	
	2345682.7367	560488.2859	
	2346550.3547	561335.1912	
	2346816.8556	560955.6609	
	2347263.6170	561355.0710	
	2347329.4965	561264.9377	
	2347252.1563	561343.8367	
	2346830.6167	560930.6255	
	2346795.9541	560965.9867	
	2345743.4112	559934.2487	
	2345855.4187	559819.9836	

**3. Bổ sung một phần diện tích Khu vực mỏ đá Núi Giường, khu Quang Tiến, xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập**

Phần diện tích bổ sung Quy hoạch của Mỏ đá Núi Giường, khu Quang Tiến, xã Ngọc Lập, huyện Yên Lập	Hệ tọa độ VN2000, KTT 104 <sup>0</sup> 45', múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Diện tích
	X(m)	Y(m)	
	2347602.99	538965.74	2,1 ha
	2347611.34	539070.41	
	2347702.67	539014.54	
	2347702.62	538924.36	
	2347539.03	538903.35	
	2347422.92	538996.84	
	2347528.61	538989.35	
	2347602.99	538965.74	

**4. Bổ sung Khu vực mỏ cát, sét lòng sông Hồng, thuộc xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao.**

Mỏ cát, sét lòng sông Hồng, thuộc xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao	Hệ tọa độ VN2000, KTT 104 <sup>0</sup> 45', múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Diện tích
	X(m)	Y(m)	
	2353383.91	561923.34	37,20ha
	2353372.54	562017.20	
	2353498.38	562039.18	
	2353477.35	562153.13	
	2353633.23	562177.29	
	2353594.03	562477.79	
	2352963.22	562453.89	
	2352991.58	562154.98	
	2352661.10	562123.62	
	2352664.09	561921.98	
	2353383.91	561923.34	

**5. Bổ sung Khu vực mỏ cát lòng sông Hồng, thuộc xã Lâm Lợi và xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa:**

Mỏ cát lòng sông Hồng, thuộc xã Lâm Lợi và xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hòa	Hệ tọa độ VN2000, KTT 104 <sup>0</sup> 45', múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Diện tích
	X(m)	Y(m)	
	2389226.42	522017.21	4,3ha
	2389259.49	522090.30	
	2388775.83	522317.98	
	2388742.19	522244.73	
	2389226.42	522017.21	
	2388478.20	522249.86	6,0ha
	2388525.00	522354.03	
	2387971.63	522574.21	
	2388020.18	522439.33	
	2388478.20	522249.86	